

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/8/2019.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Sáng.
Ông Phạm Văn Huynh.
Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân
dân huyện Long Thành.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia
phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 339/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 174, ấp A, xã B, huyện L, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Lê Sĩ M**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 174, ấp A, xã B, huyện L, Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:* Chị và anh Lê Sĩ M tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về các vấn đề trong cuộc sống, anh M không quan tâm, chăm sóc vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Sĩ M.

Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Lê Bảo N, sinh năm 2011. Hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ nên chị yêu cầu Tòa án giao con cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị yêu cầu anh Lê Sĩ M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Sĩ M trình bày:* Anh và chị Đặng Thị T kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng về các vấn đề trong cuộc sống. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý vì anh và chị T tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Lê Bảo N, sinh năm 2011. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị T nên anh đồng ý giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M. Về con chung giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị T 2.000.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lê Sĩ M có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị T và anh Lê Sĩ M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/2011 ngày 15/7/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh M phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn nên chị T đề nghị được ly hôn và anh M đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Lê Sĩ M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Lê Sĩ M là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] *Về con chung:* Giao cháu Lê Bảo N, sinh năm 2011 cho chị Đặng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Lê Sĩ M cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Kể từ ngày chị Đặng Thị T có đơn yêu cầu thi hành án về cấp

đưỡng nuôi con, nếu anh Lê Sĩ M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Lê Sĩ M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự trình bày không có nên xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh Lê Sĩ M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị T. Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Lê Sĩ M.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh năm 2011 cho chị Đặng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Lê Sĩ M cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Kể từ ngày chị Đặng Thị T có đơn yêu cầu thi hành án về cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Lê Sĩ M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Lê Sĩ M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đặng Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0005020 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí chị Đặng Thị T phải nộp.

Anh Lê Sĩ M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Sĩ M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H.Long Thành.
- Chi cục THA.DS H.Long Thành.
- UBND xã B.
- Các đương sự.
- Lưu: HS, VP, BP, TP(H).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Sỹ Tuân